

Số: 959 /KH-UBND

Bình Thuận, ngày 23 tháng 3 năm 2021

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Chương trình Củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đến năm 2030 của tỉnh Bình Thuận

Thực hiện Quyết định số 1848/QĐ-TTg ngày 19/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình Củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đến năm 2030;

Thực hiện Công văn số 7257/BYT-TCDS ngày 25/12/2020 của Bộ Y tế về việc triển khai thực hiện Chương trình Củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ KHHGD đến năm 2030; Quyết định số 1347/QĐ-BYT ngày 22/02/2021 của Bộ Y tế ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Chương trình Củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đến năm 2030;

Thực hiện Chương trình hành động số 41-CTr/TU ngày 26/01/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XIII) thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về công tác Dân số trong tình hình mới;

Thực hiện Kế hoạch số 3882/KH-UBND ngày 07/10/2020 Ủy ban nhân dân tỉnh về Kế hoạch hành động giai đoạn 2020 – 2025 của tỉnh Bình Thuận thực hiện Chiến lược dân số Việt Nam đến năm 2030;

Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình Củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đến năm 2030, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu

Bảo đảm đầy đủ, đa dạng, kịp thời, an toàn, thuận tiện, có chất lượng các dịch vụ kế hoạch hóa gia đình (KHHGD), đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người dân, góp thực hiện thành công Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030.

2. Chỉ tiêu

a) 100% phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ được tiếp cận thuận tiện với các biện pháp tránh thai hiện đại, hỗ trợ sinh sản, dự phòng vô sinh tại cộng đồng;

tỷ lệ phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ sử dụng biện pháp tránh thai hiện đại đạt 70% vào năm 2025 và 72% vào năm 2030; giảm 50% vị thành niên, thanh niên mang thai ngoài ý muốn vào năm 2025 và giảm 70% vào năm 2030.

b) 75% cơ sở cung cấp dịch vụ KHHGD đạt tiêu chuẩn chất lượng theo quy định, bao gồm cả khu vực ngoài công lập vào năm 2025; đạt 90% vào năm 2030.

c) Trên 95% cấp xã tiếp tục triển khai cung ứng các biện pháp tránh thai phi lâm sàng thông qua đội ngũ cộng tác viên dân số, nhân viên y tế thôn, khu phố vào năm 2025, đạt 100% vào năm 2030.

d) 75% Trạm Y tế thuộc vùng mức sinh cao đủ khả năng cung cấp các biện pháp tránh thai theo quy định vào năm 2025, đạt 95% vào năm 2030.

đ) Trên 95% cấp huyện có cơ sở y tế cung cấp dịch vụ KHHGD, thực hiện các biện pháp tránh thai lâm sàng; hỗ trợ kỹ thuật cho tuyến dưới vào năm 2025, đạt 100% vào năm 2030.

e) Trên 95% cấp xã thường xuyên tổ chức tuyên truyền, vận động người dân thực hiện KHHGD, sử dụng biện pháp tránh thai; hệ lụy của phá thai, nhất là đối với vị thành niên, thanh niên vào năm 2025 và duy trì đến năm 2030.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG

1. Phạm vi, địa bàn thực hiện

- Phạm vi thực hiện: Toàn tỉnh.
- Địa bàn triển khai: 124 xã, phường, thị trấn.

2. Đối tượng

- Đối tượng thụ hưởng: Nam, nữ trong độ tuổi sinh đẻ, chú trọng vị thành niên, thanh niên, người lao động tại khu công nghiệp, khu kinh tế.
- Đối tượng tác động: Người dân trong toàn tỉnh; ban, ngành, đoàn thể; cán bộ y tế, dân số; tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện Chương trình.

III. NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG

1. Tổ chức tư vấn giới thiệu và cung ứng các sản phẩm phương tiện tránh thai (PTTT), hàng hóa chăm sóc sức khỏe sinh sản có chất lượng, giá cả phù hợp, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người dân trong giai đoạn hiện nay.

2. Tổ chức tập huấn bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng tư vấn sử dụng các chủng loại PTTT cho người cung ứng PTTT.

3. Đẩy mạnh xã hội hóa các PTTT, dịch vụ KHHGD; huy động sự tham gia, đóng góp phương tiện, nguồn lực của các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp.

4. Phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của mạng lưới cung cấp dịch vụ dân số toàn diện về quy mô, cơ cấu, chất lượng và phân bố dân số.

5. Tiếp tục củng cố mạng lưới các dịch vụ KHHGD. Tăng cường kết nối, hợp tác với các cơ sở cung cấp dịch vụ ngoài công lập. Đổi mới phương thức cung cấp, đưa dịch vụ tới tận người sử dụng; thúc đẩy cung cấp dịch vụ qua mạng.

6. Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác truyền thông, đẩy mạnh công tác xã hội hóa, thúc đẩy cung cấp các dịch vụ PTTT ngày một đa dạng, chất lượng và nâng cao.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Hoàn thiện cơ chế, chính sách; quy trình, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật

- Triển khai thực hiện các quy định về cung cấp PTTT, dịch vụ KHHGD.

- Ban hành quyết định, kế hoạch, văn bản chỉ đạo thực hiện Chương trình; kịp thời triển khai các chính sách phù hợp về KHHGD; giao nhiệm vụ cụ thể từng cơ quan, đơn vị; đẩy mạnh xã hội hóa cung ứng PTTT, dịch vụ KHHGD; có biện pháp điều chỉnh kịp thời phù hợp với điều kiện thực tiễn trong từng giai đoạn.

- Phổ biến các kỹ thuật mới, hiện đại nâng cao chất lượng dịch vụ KHHGD.

2. Tuyên truyền, vận động thay đổi hành vi

- Định kỳ cung cấp thông tin, vận động các tổ chức, cá nhân tham gia xã hội hóa cung ứng PTTT, dịch vụ KHHGD.

- Đa dạng hóa các loại hình, sản phẩm truyền thông về dân số và phát triển, bảo đảm về chất lượng, đổi mới về hình thức, nội dung. Cung cấp trang thiết bị, phương tiện truyền thông phù hợp cho cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện công tác truyền thông về dân số và phát triển, ưu tiên tuyến cơ sở và nhất là các xã nghèo, vùng sâu, vùng xa, hải đảo.

- Đẩy mạnh truyền thông thay đổi hành vi về dân số và phát triển trên các chuyên trang, chuyên mục, chương trình, phóng sự, tin bài, sự kiện truyền thông; lồng ghép nội dung truyền thông dân số và phát triển vào các chương trình giải trí, thể thao, nghệ thuật trên các phương tiện thông tin đại chúng; tập trung khai thác, phát triển và tận dụng tối đa lợi thế của công nghệ thông tin và các loại hình truyền thông khác.

- Đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, giới và giới tính trong nhà trường phù hợp với từng cấp học, lứa tuổi.

- Tăng cường tư vấn trước, trong và sau khi sử dụng dịch vụ tại các cơ sở cung cấp dịch vụ KHHGD. Tư vấn tại cộng đồng về tình dục an toàn, hệ lụy của phá thai, hỗ trợ sinh sản, dự phòng vô sinh.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát, hỗ trợ kỹ thuật định kỳ và đột xuất; đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, kịp thời tuyên dương, nhân rộng các điển hình tiên tiến trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình.

3. Phát triển mạng lưới dịch vụ kế hoạch hóa gia đình

- Củng cố mạng lưới cung cấp dịch vụ KHHGD ở các cấp; đầu tư, bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các cơ sở cung cấp dịch vụ KHHGD; ưu tiên đầu tư cho vùng mức sinh cao.

- Đào tạo, đào tạo liên tục cho người cung cấp dịch vụ KHHGD, thực hiện biện pháp tránh thai; tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng tư vấn, theo dõi, quản lý đối tượng và cung cấp biện pháp tránh thai phi lâm sàng tại cộng đồng.

- Mở rộng các hình thức cung cấp PTTT, dịch vụ KHHGD tại các cơ sở y tế trong và ngoài công lập; ứng dụng công nghệ thông tin trong cung cấp dịch vụ KHHGD; thí điểm mô hình cung cấp dịch vụ phù hợp với từng nhóm đối tượng, từng địa bàn.

- Triển khai thí điểm mô hình hỗ trợ sinh sản, dự phòng, tầm soát vô sinh cho nhóm dân số trẻ; can thiệp, điều trị sớm một số nguyên nhân dẫn đến vô sinh theo hướng dẫn của Trung ương.

- Nâng cao chất lượng hệ thống tin quản lý hậu cần PTTT và cung cấp dịch vụ KHHGD.

- Kiểm tra, giám sát thực hiện các quy định về công tác KHHGD; kiểm tra chất lượng PTTT, cơ sở cung cấp dịch vụ KHHGD.

4. Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động nguồn lực thực hiện Chương trình

Đẩy mạnh xã hội hóa dịch vụ KHHGD, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tham gia Chương trình; huy động toàn bộ hệ thống y tế, dân số tham gia thực hiện Chương trình theo chức năng, nhiệm vụ được giao; ưu tiên bảo đảm hoạt động ở tuyến cơ sở, vùng khó khăn có mức sinh cao.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện kế hoạch do ngân sách Nhà nước bảo đảm theo khả năng cân đối ngân sách trong từng thời kỳ, theo phân cấp ngân sách hiện hành, được bố trí trong dự toán chi của các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thực

hiện công tác dân số theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác; lồng ghép trong các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, đề án, dự án khác.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

- Chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành, đoàn thể, UBND huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện các mục tiêu, hoạt động của Kế hoạch này.

- Kịp thời tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh Kế hoạch cho phù hợp với tình hình thực tiễn.

- Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, tổ chức sơ kết, tổng kết tình hình thực hiện kế hoạch và định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế triển khai có hiệu quả hoạt động giáo dục về dân số, sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, giới và giới tính cho học sinh phù hợp với từng cấp học, lứa tuổi theo định hướng của Chương trình.

3. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Phối hợp với Sở Y tế, chỉ đạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp lồng ghép tuyên truyền các nội dung liên quan đến giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, giới và giới tính cho học sinh, sinh viên bằng các hình thức phù hợp.

4. Sở Tài chính

Trên cơ sở dự toán của Sở Y tế tại thời điểm lập dự toán hàng năm, Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giao dự toán để thực hiện Kế hoạch phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương và đúng theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

5. Sở Thông tin và Truyền thông

Hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi các cơ quan báo chí, truyền thông thực hiện công tác thông tin tuyên truyền về dân số và phát triển, sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, giới và giới tính.

6. Ban Dân tộc tỉnh

Phối hợp với Sở Y tế, các sở, ngành liên quan và UBND các huyện triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời các nhiệm vụ, giải pháp củng cố, nâng cao chất lượng dịch vụ KHHGD trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Tăng

cường công tác tuyên truyền, vận động, đẩy mạnh truyền thông về dân số và phát triển, lồng ghép trong các chương trình, đề án, dự án liên quan.

7. Các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan

Theo chức năng, nhiệm vụ đã được giao, tích cực và chủ động phối hợp thực hiện các nhiệm vụ có liên quan.

8. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

Chịu trách nhiệm xây dựng, tổ chức triển khai và cân đối kinh phí để thực hiện Kế hoạch trên địa bàn; khuyến khích thực hiện KHHGD; đẩy mạnh xã hội hóa phù hợp với điều kiện của địa phương.

9. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể tỉnh

Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể tỉnh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, tham gia tổ chức triển khai và giám sát việc thực hiện Kế hoạch; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục trong tổ chức mình.

Căn cứ Kế hoạch này, các sở, ban, ngành, đoàn thể và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm triển khai thực hiện theo nhiệm vụ được phân công; **định kỳ trước ngày 10 tháng 12 hàng năm** báo cáo kết quả thực hiện về Sở Y tế để tổng hợp.

Giao Sở Y tế làm đầu mối hướng dẫn, đôn đốc việc thực hiện các nội dung tại Kế hoạch này, định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Y tế theo quy định./.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh ;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN và các đoàn thể tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành;
- Báo Bình Thuận, Đài PT-TH tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, KGVXNV. Việt.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đức Hòa